TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2026/HS-PT
Ngày 21 tháng 01 năm 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:	Ông Hoàng Thanh Dũng
Các Thẩm phán:	Ông Vũ Ngọc Huynh
	Ông Phan Tô Ngọc

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Phú Cường – Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2026, tại điểm cầu trung tâm là trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và diểm cầu thành phần là trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (cơ sở 2) mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai (bằng hình thức trực tuyến) vụ án hình sự thụ lý số 330/2025/TLPT-HS ngày 14 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo Phó Duy H và Trần Trúc T1; Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2025/HS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

1/. **Phó Duy H** , sinh năm 1986 tại thành phố L, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Khóm G, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là phường L, tỉnh An Giang); giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo; Không; nghề nghiệp: Cán bộ Ngân hàng; chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, đoàn thể): Đảng viên, bị xóa tên trong danh sách Đảng viên; trình độ học vấn: 12/12; con ông Phó Sanh L và bà Nguyễn Thị Ngọc S; vợ là Nguyễn Thị Nam P; con: 01 người; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

2/. **Trần Trúc T1**, sinh ngày 08/7/1973 tại thành phố Cần Thơ; nơi cư trú: Số E T, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là phường M, tỉnh An Giang); giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo; Không; nghề nghiệp: Cán bộ Ngân hàng; Chức vụ: Phó Trưởng phòng G1, Đoàn, Đảng: Bí thư Chi bộ 4 và đã cho ra khỏi đảng ngày 20/11/2023; trình độ học vấn: 12/12; con ông Trần Hùng A và bà Nguyễn Thị L1 (đã chết); vợ là Dương Thị Kim P1;

con: có 02 người; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Phó Duy H: Luật sư Nguyễn Phú H1 – Công ty L3 – chi nhánh L4, thuộc Đoàn luật sư tỉnh A (có mặt).

Địa chỉ: số C đường T, phường L, tỉnh An Giang

Người bào chữa cho bị cáo Trần Trúc T1: Luật sư Trần Tiến V– Văn phòng L5, thuộc Đoàn luật sư tỉnh A (có mặt).

Địa chỉ: B T, khóm B, phường L, tỉnh An Giang

(Trong vụ án, còn có bị cáo Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Ngọc G, bị hại và 21 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, hành vi phạm tội của các bị cáo Trần Trúc T1 và Phó Duy H được tóm tắt như sau:

Phòng G2 trực thuộc Ngân hàng TMCP N1 - Chi nhánh A1 (viết tắt là V3) thực hiện chức năng cho vay tín dụng, phát hành thẻ tín dụng. Theo Quyết định số 2507/QĐ-VCB- QLRRTD ngày 28/12/2008 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP N1 về *"Quy trình tín dụng đối với khách hàng cá nhân"* và bảng phân công nhiệm vụ cho từng cán bộ, nhân viên Phòng G2 từ năm 2020 đến năm 2022, xác định:

Trần Trúc T1 là Trưởng phòng: Phụ trách chung và kiểm tra lại tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ rút vốn, ký xác nhận thông báo tác nghiệp đủ điều kiện rút vốn, ủy nhiệm chi; kiểm tra, đối chiếu giấy nhận nợ và thông tin tài khoản vay trên hệ thống do Bộ phận quản lý nợ cung cấp.

Phó Duy Hiếu là Chuyên viên thẩm định tín dụng: Thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ nhu cầu tín dụng của khách hàng từ cán bộ khách hàng và kiểm tra tính hợp lệ và hợp pháp của hồ sơ rút vốn của khách hàng, trình hồ sơ để lãnh đạo phòng giao dịch kiểm tra, ký duyệt và chuyển hồ sơ giải ngân cho các bộ phận liên quan để giải ngân.

Nguyễn Thành Đ là Chuyên viên quản lý quan hệ khách hàng: Thực hiện tiếp nhận, thu thập thông tin, hồ sơ cấp tín dụng, tài liệu liên quan của khách hàng; lập báo cáo nhu cầu sử dụng vốn và chuyển toàn bộ hồ sơ khách hàng cho cán bộ thẩm định.

Trong thời gian công tác tại Phòng G2, Nguyễn Thành Đ cá cược bóng đá ăn thua bằng tiền và thiếu nợ nhiều người dẫn đến mất khả năng chi trả nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của Ngân hàng và khách hàng bằng cách lợi dụng khách hàng có nhu cầu vay vốn và việc Phó Duy H chuyên viên thẩm định tín dụng nhờ Đ đưa các khách hàng vay vốn hạn mức gồm: Trần Chí D, Nguyễn Thị Thúy L2, Nguyễn Thị Mỹ V1, Võ Đức T2, Trịnh Công T3, Hồ Thanh S1, Hoàng

Nguyễn Hải Y, Lê Thị P2 ký trước các tờ giấy trắng (loại giấy A4) nhưng chưa ghi nội dung các hồ sơ vay và khách hàng trên không đăng ký báo số dư tài khoản qua tin nhắn, Đ nói dối với H là khách hàng có nhu cầu rút vốn số tiền còn lại trong hạn mức tín dụng và đưa giấy chứng minh nhân dân, số tài khoản, họ tên của người thụ hưởng là Nguyễn Tiến Đ1, Lê Mạnh H2, Lý Ngọc Quốc H3, Nguyễn Thị Kiều V2, Nguyễn Trần Quang T4, Ngô Trung N (là bạn của Đ) để H làm thủ tục giải ngân bằng hình thức chuyển khoản. Tin thật, H sử dụng giấy trắng, ủy nhiệm chi có chữ ký, chữ viết của khách hàng còn dư lại sau khi giải ngân lần đầu của khách hàng để in nội dung của giấy nhận nợ, nội dung chứng từ sử dụng vốn vay và lập Thông báo tác nghiệp đủ điều kiện rút vốn để làm thủ tục trình lãnh đạo Ngân hàng giải ngân cho khách hàng bằng hình thức chuyển khoản qua các tài khoản mà Đ đã cung cấp cho H để Đ chiếm đoạt. Với thủ đoạn trên, từ tháng 03/2021 đến tháng 7/2022, Nguyễn Thành Đ đã chiếm đoạt số tiền 14.000.000.000 đồng của V3 và số tiền 1.100.000.000 đồng của khách hàng Trịnh Công T3.

Đối với bị cáo Trần Trúc T1 (Trưởng phòng Phòng G2) và Phó Duy Hiếu (cán bộ thẩm định Phòng G2), trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được phân công tại Phòng G2 trực thuộc Ngân hàng TMCP N1 - Chi nhánh A1 đã buông lỏng công tác quản lý, thiếu kiểm tra, kiểm soát tín dụng và việc giải ngân vốn, đã vi phạm quy trình cho vay tại Quyết định số 2507/QĐ-VCB-QLRRTD ngày 28/12/2008 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP N1, tạo sơ hở để Nguyễn Thành Đ lợi dụng, làm khống hồ sơ tín dụng và chiếm đoạt tiền gây thiệt hại cho V3 số tiền 14.000.000.000 đồng, cụ thể:

Bị cáo Trần Trúc T1 - Trưởng phòng Phòng Giao dịch Mỹ vụ quản lý trực tiếp bộ phận tín dụng. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, chưa thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao, thiếu kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ hồ sơ rút vốn trước khi ký trên thông báo tác nghiệp đủ điều kiện rút vốn do Phó Duy Hiếu (cán bộ thẩm định) trình ký và không kiểm tra khi ký duyệt 07 hồ sơ cho vay, tạo điều kiện để Nguyễn Thành Đ chiếm đoạt tiền trong hạn mức tín dụng của khách hàng gây thiệt hại cho V3. Ngoài ra, T1 còn chỉ đạo cho Nguyễn Tấn D1 ký các hồ sơ rút vốn của khách hàng Trịnh Công T3, Nguyễn Thị Thúy L2, Nguyễn Thị Mỹ V1, khi kêu D1 ký các hồ sơ này thì T1 cho D1 biết đã kiểm tra hồ sơ đầy đủ theo quy định nên D1 đã ký các chứng từ này nên T1 phải chịu trách nhiệm với tổng số tiền mà Đ đã chiếm đoạt là 14.000.000.000 đồng.

Bị cáo Phó Duy Hiếu - Cán bộ thẩm định Phòng G2 phụ trách việc đề xuất cấp tín dụng, thẩm định và kiểm tra hồ sơ rút vốn, đã không tuân thủ các quy định, quy trình về cho vay của VCB, đã cho khách hàng ký tên trước vào giấy trắng loại giấy A4 chưa có nội dung để sử dụng in làm mẫu giấy nhận nợ, ủy nhiệm chi và chứng từ sử dụng vốn vay, tạo điều kiện cho Nguyễn Thành Đ chiếm đoạt tiền trong hạn mức tín dụng của khách hàng gây thiệt hại cho V3 số tiền 14.000.000.000 đồng. Các hồ sơ rút vốn của các khách hàng nêu trên, có sự tham gia ký duyệt cấp tín dụng của lãnh đạo V3 và cán bộ Phòng Quản lý nợ V3 là Dương Du M, Bùi Trần M1, Dương Thoại U, Võ Đình Nam T5, Hồ Minh T6, Âu

Thị Bích H4, Võ Thị Ngọc T7, Trần Thị Ngọc T8, Trần Thị Kim T9, Trần Minh K, Huỳnh Thị Mỹ Ý; tuy nhiên các hồ sơ rút vốn của các khách hàng khi chuyển đến những người này đã có đầy đủ nội dung, chữ ký của các khách hàng là thật nên không phát hiện được.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2025/HS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Trúc T1, Phó Duy H phạm tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng".

Căn cứ điểm c khoản 3, khoản 4 Điều 360; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Trúc T1 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Phó Duy H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Hình phạt bổ sung: Cấm các bị cáo Trần Trúc T1, Phó Duy H đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh, hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Ngọc G, về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 03/7/2025, bị cáo Trần Trúc T1 và Phó Duy H có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Trần Trúc T1 và Phó Duy H thừa nhận hành vi phạm tội, đồng thời vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xử có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Phó Duy H – Luật sư Nguyễn Phú H1 trình bày: Quá trình công tác, bị cáo có nhiều thành tích, được tặng bằng khen, giấy khen, có nhân thân tốt, bị cáo là lao động chính đang phụng dưỡng cha già và nuôi con nhỏ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Trúc T1 – Luật sư Trần Tiến V trình bày: bị cáo Thủ chỉ là người ký duyệt hồ sơ, rất khó để kiểm tra lại các thủ tục trước đó; bản thân bị cáo đã đi đầu thú, không hưởng lợi gì từ việc chiếm đoạt tiền của

Đ. Bị cáo có nhân thân tốt, là lao động chính trong gia đình, nuôi vợ và các con, quá trình công tác có nhiều thành tích được tặng bằng khen, giấy khen; cha bị cáo có nhiều đóng góp cho xã hội; bị cáo được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo; hiện bị cáo mắc nhiều bệnh nền; bản thân bị cáo có khả năng cải tạo tốt. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của các bị cáo Trần Trúc T1 và Phó Duy H làm trong thời hạn luật định, hợp lệ về hình thức nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo khác trong vụ án, bị hại, người làm chứng, các kết luận giám định và tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận:

Do cần tiền tiêu xài, trả nợ thua cá độ bóng đá, từ tháng 8/2021 đến tháng 7/2022, Nguyễn Thành Đ – Chuyên viên quản lý quan hệ khách hàng Phòng G2, trực thuộc Ngân hàng TMCP N1 (V3) chi nhánh A1 đã dùng thủ đoạn gian dối, thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của Ngân hàng TMCP N1. Theo đó, Đ sử dụng chữ ký khống, hồ sơ cá nhân của của các khách hàng vay vốn hạn mức, nói dối các khách hàng có nhu cầu rút vốn để thực hiện thủ tục giải ngân, chuyển khoản vào các tài khoản mà Đ cung cấp cho Phó Duy Hiếu để chiếm đoạt của V3 số tiền 15.100.000.000 đồng. Trong đó, bị cáo Phó Duy H, Trần Trúc T1 đã không thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ về quy trình nghiệp vụ tín dụng ngân hàng của Ngân hàng TMCP N1, tạo điều kiện để Nguyễn Thành Đ thực hiện hành vi chiếm đoạt.

Bị cáo Phó Duy Hiếu là cán bộ thẩm định Phòng G2 phụ trách việc đề xuất cấp tín dụng, thẩm định và kiểm tra hồ sơ rút vốn, đã không tuân thủ các quy định, quy trình về cho vay của VCB, đã cho khách hàng ký tên trước vào giấy trắng loại giấy A4 chưa có nội dung để sử dụng in làm mẫu giấy nhận nợ, ủy nhiệm chi và chứng từ sử dụng vốn vay làm thủ tục giải ngân chuyển khoản; không yêu cầu khách hàng có mặt tại phòng giao dịch để kiểm tra, đối chiếu thông tin nhận nợ; từ đó tạo điều kiện cho Nguyễn Thành Đ chiếm đoạt tiền trong hạn mức tín dụng của khách hàng gây thiệt hại cho V3 số tiền 15.100.000.000 đồng.

Bị cáo Trần Trúc T1 là Trưởng phòng G2, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, chưa thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao, thiếu kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ hồ sơ rút vốn trước khi ký trên thông báo tác nghiệp đủ điều kiện rút

vốn do Phó Duy Hiếu (cán bộ thẩm định) trình ký và không kiểm tra khi ký duyệt 07 hồ sơ cho vay, tạo điều kiện để Nguyễn Thành Đ chiếm đoạt tiền trong hạn mức tín dụng của khách hàng gây thiệt hại cho V3. Ngoài ra, bị cáo T1 còn chỉ đạo cho Nguyễn Tấn D1 ký các hồ sơ rút vốn của khách hàng Trịnh Công T3, Nguyễn Thị Thúy L2, Nguyễn Thị Mỹ V1 trái quy định. Tổng số tiền mà bị cáo Thủ thiếu trách nhiệm, tạo điều kiện để Nguyễn Thành Đ rút tiền, chiếm đoạt là 15.100.000.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Trúc T1, Phó Duy H phạm tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" theo điểm c khoản 3 Điều 360 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2.2] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã gián tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Các bị cáo bị xét xử theo điểm c khoản 3 Điều 260 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt từ 07 năm đến 12 năm tù. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đồng thời, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, quá trình công tác đạt nhiều thành tích được khen thưởng, gia đình có thân nhân có công với cách mạng, hoàn cảnh gia đình khó khăn, là trụ cột kinh tế, quy định tại các điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đồng thời áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Trúc T1 03 năm tù, bị cáo Phó Duy Hiếu 03 năm 06 tháng tù – mức khởi điểm của khung hình phạt liền kề là phù hợp tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ nào đặc biệt mới nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét, giảm nhẹ hình phạt hoặc cho các bị cáo được hưởng án treo. Kháng cáo của các bị cáo không có cơ sở chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Trần Trúc T1, Phó Duy H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Ngoài ra, trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận được đơn khiếu nại của ông Phan Văn B – đại diện theo ủy quyền của các ông bà Trần Chí D, Trần Thị Mỹ D2, Trịnh Công T3, Nguyễn Thị Thúy L2 cho rằng Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không tuyên Ngân hàng TMCP N1 chi nhánh A1 phải trả lại cho ông D, bà D2, ông T3, bà L2 số tiền bị cáo Nguyễn Thành Đ đã chiếm đoạt.

Xét thấy, nội dung phần quyết định của bản án sơ thẩm phù hợp với kết quả nghị án của Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm. Việc nghị án, tuyên án, chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử đã được đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang thực hiện kiểm sát tại phiên tòa nên việc ông Phan Văn Bé cho rằng Chủ tọa phiên tòa khi ban hành bản án, tuyên thiếu phần quyết định đã đọc tại phiên tòa sơ thẩm là không có cơ sở.

Đồng thời, theo nội dung đơn khiếu nại thể hiện sau khi xét xử sơ thẩm, ông Phan Văn B cũng như các ông bà Trần Chí D, Trần Thị Mỹ D2, Trịnh Công T3, Nguyễn Thị Thúy L2 nhận được bản án, liên hệ cơ quan thi hành án để thi hành mà không có ý kiến kháng cáo đối với bản án sơ thẩm. Căn cứ theo quy định tại Điều 343, Điều 345 Bộ luật Tố tụng hình sự thì phần quyết định của bản án về trách nhiệm dân sự đã có hiệu lực thi hành, không thuộc phạm vi xem xét của Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm. Mặt khác, trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Thành Đ thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của bị hại là Ngân hàng TMCP N1 chi nhánh A1; bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho Ngân hàng. Đối với giao dịch giữa Ngân hàng TMCP N1 chi nhánh A1 và các đương sự có tên nêu trên là giao dịch dân sự, các bên đương sự tự thỏa thuận hoặc trường hợp có tranh chấp thì được quyền yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác; không thuộc phạm vi xem xét, giải quyết của Hội đồng xét xử phúc thẩm trong vụ án này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Trúc T1, Phó Duy H.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2025/HS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Tuyên bố bị cáo Trần Trúc T1, Phó Duy H phạm tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng".

Căn cứ điểm c khoản 3, khoản 4 Điều 360; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Trúc T1 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Phó Duy H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Hình phạt bổ sung: Cấm các bị cáo Trần Trúc T1, Phó Duy H đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo Trần Trúc T1, Phó Duy H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VCTVKSXXPT tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh An Giang (3);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- THADS tỉnh An Giang (1);
- Công an tỉnh An Giang (1);
- BCTN (2);
- Lưu VP(5), HS(2).18b.PPC.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thanh Dũng